

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi lần gần nhất vào ngày 5 tháng 6 năm 2017.

Tại ngày ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Hội đồng Quản trị	Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
	Ông Phạm Hữu Quý Lâm	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
	Ông Mai Xuân Phong	Phó Chủ tịch
	Ông Bùi Quốc Hưng	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
	Ông Thái Bá Nam	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Đặng Quốc Việt	Trưởng ban
	Ông Trần Phước Thái	Thành viên
	Ông Ngô Văn Duy Nhất	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Oliveiro Michael Leonard	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017)
	Ông Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017)
	Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017)
	Bà Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở chính	Số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký các báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") theo Giấy Ủy quyền số 05/2017/UQ-HĐQT ngày 15 tháng 7 năm 2017.

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giá định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.


Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.




Oliveira Michael Leonard
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 30 tháng 8 năm 2017. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.15 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho thấy tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Phi Lan
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0573-2017-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 1836
Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Cẩm Ly
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3067-2017-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ (Trình bày lại - Thuyết minh 3)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		105.091.781.416	98.718.534.128
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	24.539.291.767	10.955.059.753
111	Tiền		9.374.826.733	3.955.059.753
112	Các khoản tương đương tiền		15.164.465.034	7.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		4.662.602.300	2.361.799.800
121	Chứng khoán kinh doanh	5(a)	5.648.780.000	5.648.780.000
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(986.177.700)	(3.286.980.200)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		8.296.029.607	19.005.535.989
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6(a)	6.981.344.808	12.176.328.328
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.892.281.073	6.580.963.780
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	6.924.286.080	7.750.126.235
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(7.501.882.354)	(7.501.882.354)
140	Hàng tồn kho	9	67.035.487.315	66.234.434.771
141	Hàng tồn kho		67.978.854.224	67.177.801.680
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(943.366.909)	(943.366.909)
150	Tài sản ngắn hạn khác		558.370.427	161.703.815
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	123.075.632	96.998.155
152	Thuế GTGT được khấu trừ		64.705.660	64.705.660
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14(a)	370.589.135	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		57.577.850.458	61.940.707.277
210	Các khoản phải thu dài hạn		4.348.598.951	5.121.705.541
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	6(b)	3.968.087.951	4.761.705.541
216	Phải thu dài hạn khác		380.511.000	360.000.000
220	Tài sản cố định		36.741.957.259	39.640.094.186
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	24.754.285.057	27.652.421.984
222	Nguyên giá		103.019.076.433	103.473.576.433
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(78.264.791.376)	(75.821.154.449)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	11.987.672.202	11.987.672.202
228	Nguyên giá		11.987.672.202	11.987.672.202
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	Tài sản dở dang dài hạn		483.272.590	483.272.590
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	483.272.590	483.272.590
250	Đầu tư tài chính dài hạn		15.110.926.449	15.110.926.449
251	Đầu tư vào công ty con	5(b)	15.110.926.449	15.110.926.449
260	Tài sản dài hạn khác		893.095.209	1.584.708.511
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	893.095.209	1.584.708.511
270	TỔNG TÀI SẢN		162.669.631.874	160.659.241.405

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ (Trình bày lại - Thuyết minh 3)
300	NỢ PHẢI TRẢ		51.283.171.949	46.976.732.062
310	Nợ ngắn hạn		51.000.671.786	46.694.231.899
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	29.428.634.923	22.442.058.624
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.403.559.556	1.528.659.443
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	14(b)	3.668.351.942	6.983.265.965
314	Phải trả người lao động		3.930.135.310	4.232.100.817
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.090.827.411	2.084.360.575
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	1.256.646.029	466.917.860
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	5.225.554.250	5.458.254.250
322	Quý khen thưởng, phúc lợi	18	2.996.962.365	3.498.614.365
330	Nợ dài hạn		282.500.163	282.500.163
337	Phải trả dài hạn khác		282.500.163	282.500.163
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		111.386.459.925	113.682.509.343
410	Vốn chủ sở hữu		111.386.459.925	113.682.509.343
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		15.753.387.350	15.753.387.350
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	29.020.260.148	29.020.260.148
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	16.612.812.427	18.908.861.845
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		16.408.861.845	15.308.941.422
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		203.950.582	3.599.920.423
440	TỔNG NGUỒN VỐN		162.669.631.874	160.659.241.405



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Oliveiro Michael Leonard
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2017 VNĐ	30.6.2016 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.025.519.488	141.313.749.988
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(348.712.494)	(2.453.129.897)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	135.676.806.994	138.860.620.091
11	Giá vốn hàng bán	(101.613.444.849)	(98.725.792.914)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.063.362.145	40.134.827.177
21	Doanh thu hoạt động tài chính	310.546.697	87.624.397
22	Chi phí tài chính	2.300.318.500	(166.235.207)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	-	(4.447.989)
25	Chi phí bán hàng	(23.291.744.056)	(25.540.859.640)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(13.108.865.782)	(11.619.512.477)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	273.617.504	2.895.844.250
31	Thu nhập khác	354.509.076	496.777.136
32	Chi phí khác	(373.188.353)	(143.341.222)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác	(18.679.277)	353.435.914
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	254.938.227	3.249.280.164
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(50.987.645)	(716.656.030)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	203.950.582	2.532.624.134



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Oliveiro Michael Leonard
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2017 VNĐ	30.6.2016 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	254.938.227	3.249.280.164
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	2.908.261.927	2.775.755.738
03	Các khoản dự phòng	(2.300.802.500)	148.743.155
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(499.816.697)	(15.340.717)
06	Chi phí lãi vay	-	4.447.989
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	362.580.957	6.162.886.329
09	Giảm các khoản phải thu	11.112.023.837	2.703.003.260
10	Tăng hàng tồn kho	(801.052.544)	(8.626.194.188)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	6.058.402.492	(4.904.531.158)
12	Giảm chi phí trả trước	665.535.825	584.560.700
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(4.447.989)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(900.000.000)	(1.000.000.000)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(734.352.000)	(391.167.240)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	15.763.138.567	(5.475.890.286)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(235.647.000)	(4.597.431.660)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	233.145.000	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	310.546.697	15.340.717
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	308.044.697	(4.582.090.943)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	-	6.671.984.180
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(2.486.951.250)	(7.460.853.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.486.951.250)	(788.869.570)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	13.584.232.014	(10.846.850.799)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4 10.955.059.753	16.632.987.469
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4 24.539.291.767	5.786.136.670

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong kỳ báo gồm các khoản phải trả về việc mua tài sản cố định là 0 VNĐ (31.12.2016: 181.647.000 VNĐ).



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Oliveiro Michael Leonard
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 30 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần gần nhất cấp ngày 5 tháng 6 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có ba chi nhánh và một công ty con như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại TP Đà Nẵng, địa chỉ tại 150 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 30 Lý Long Tường, Khu phố Mỹ Quang – H30, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại TP Hà Nội, địa chỉ tại số 80B Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty con	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản.	100%
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (*)	Dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	100%

(*) Sau khi phát báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Lãnh đạo đã phát hiện rằng Công ty sở hữu Trường mầm non Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long là một công ty con của Công ty. Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long được bàn giao cho Công ty (trước đây là Nhà máy cá hộp Hạ Long) bởi Xí nghiệp Liên hợp Thủy sản Hạ Long - Bộ Thủy Sản theo biên bản làm việc số 2003/LHTS/VP ngày 22 tháng 8 năm 1994. Thông tin tài chính của Trường Mầm non đã không được hợp nhất vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty từ thời điểm đó. Ban Lãnh đạo đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số khoản mục của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh số 3).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 483 nhân viên (31.12.2016: 480 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và công ty con.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ 6 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Đầu tư****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Lãi và lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.8 Tài sản cố định*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4% - 17%
Máy móc thiết bị	8% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 25%
Dụng cụ văn phòng	14% - 50%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động tài sản cố định là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.14 Các khoản dự phòng (tiếp theo)**

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần phải lập là 7.009.575.000 Đồng Việt Nam (31.12.2016: 6.590.676.667 Đồng Việt Nam).

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

2.17 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.17 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)****(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian cho thuê đã thực hiện.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.20 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí đóng gói và vận chuyển.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê nhà máy; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ/năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ/niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Cổ đông.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

3 ĐIỀU CHỈNH LẠI SỐ LIỆU CỦA NĂM TRƯỚC

Sau khi phát hành báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Lãnh đạo đã phát hiện sai sót trong chính sách kế toán và thực hiện điều chỉnh hồi tố một số khoản mục của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Mã số	Chú thích	Tại ngày 31.12.2016		Điều chỉnh hồi tố VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 (sau khi điều chỉnh lại) VNĐ
		(số liệu đã báo cáo năm trước) VNĐ			
222	Nguyên giá	(i)	103.639.868.479	(166.292.046)	103.473.576.433
223	Khấu hao lũy kế	(i),(ii)	(75.987.446.495)	166.292.046	(75.821.154.449)
251	Đầu tư vào công ty con	(i)	15.000.000.000	110.926.449	15.110.926.449
270	Tổng tài sản		160.548.314.956	110.926.449	160.659.241.405
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kì trước	(ii)	15.198.014.973	110.926.449	15.308.941.422
440	Tổng nguồn vốn		160.548.314.956	110.926.449	160.659.241.405

Chú thích

- (i) Điều chỉnh phân loại lại giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình sang đầu tư vào công ty con.
- (ii) Điều chỉnh hoàn nhập hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 3(i)) đã ghi nhận chi phí trong các năm trước.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Tiền mặt	95.832.409	249.531.700
Tiền gửi ngân hàng	8.478.994.324	3.705.528.053
Tiền giữ hộ cho bên liên quan (*)	800.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (**)	15.164.465.034	7.000.000.000
	24.539.291.767	10.955.059.753

(*) Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là khoản tiền giá trị 800 triệu Đồng giữ hộ Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long – một công ty con của Công ty (Thuyết minh 16).

(**) Số dư các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá ba tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30.6.2017			31.12.2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	3.142.610.000	2.156.432.300	986.177.700	3.142.610.000	1.353.814.000	1.788.796.000
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (**)	2.506.170.000	2.506.170.000	-	2.506.170.000	1.007.985.800	1.498.184.200
	<u>5.648.780.000</u>	<u>4.662.602.300</u>	<u>986.177.700</u>	<u>5.648.780.000</u>	<u>2.361.799.800</u>	<u>3.286.980.200</u>

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa của cổ phiếu của các đơn vị đầu tư được niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về giá gốc trên cơ sở Thông tư 228/2009/TT-BTC.

(b) Đầu tư vào công ty con

	30.6.2017			31.12.2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng (Thuyết minh 30(b))	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 30(b))	110.926.449	110.926.449	-	110.926.449	110.926.449	-
	<u>15.110.926.449</u>	<u>15.110.926.449</u>	<u>-</u>	<u>15.110.926.449</u>	<u>15.110.926.449</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Bên thứ ba	6.187.727.218	11.382.710.738
Bên liên quan (Thuyết minh 6(b), Thuyết minh 30(b))	793.617.590	793.617.590
	<u>6.981.344.808</u>	<u>12.176.328.328</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(994.326.874)	(657.832.902)
	<u>5.987.017.934</u>	<u>11.518.495.426</u>

Chi tiết cho những khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu của khách hàng như sau:

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	-	4.938.595.200
Công ty TNHH Dịch vụ EB	1.884.989.807	2.029.507.206
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	875.027.153	805.715.160

(b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	4.761.705.541	5.555.323.131
Chuyển sang phải thu ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))	(793.617.590)	(793.617.590)
	<u>3.968.087.951</u>	<u>4.761.705.541</u>

(*) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng, công ty con, liên quan đến việc bán máy móc thiết bị theo hợp đồng số 877-HĐMB/ĐHHL/2012 ngày 1 tháng 9 năm 2012 với giá trị 8.994.332.688 Đồng Việt Nam và được thanh toán trong 12 kỳ thanh toán, bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu người lao động	416.730.600	395.727.002
Các khoản khác	1.049.301.230	1.896.144.983
	<u>6.924.286.080</u>	<u>7.750.126.235</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(6.507.555.480)	(6.844.049.452)
Trong đó:		
- Dự phòng cho khoản phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	(5.458.254.250)	(5.458.254.250)
- Dự phòng cho khoản phải thu khác	(1.049.301.230)	(1.385.795.202)
	<u>416.730.600</u>	<u>906.076.783</u>

(*) Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT phải nộp Nhà nước là 5.458.254.250 Đồng Việt Nam được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 tháng 1 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi của khoản phải thu này là thấp nên đã quyết định lập dự phòng 100%.

8 NỢ XẤU

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần lập dự phòng:			
i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 6(a))	6.981.344.808	5.987.017.934	994.326.874
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)	6.924.286.080	416.730.600	6.507.555.480
	<u>13.905.630.888</u>	<u>6.403.748.534</u>	<u>7.501.882.354</u>

9 HÀNG TỒN KHO

	30.6.2017		31.12.2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	-	-	4.130.788.800	-
Nguyên vật liệu tồn kho	27.634.229.535	-	19.556.340.669	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.931.893.321	(837.385.413)	1.941.041.346	(837.385.413)
Chi phí SXKD dở dang	965.449.481	-	1.243.763.279	-
Thành phẩm tồn kho	28.151.788.987	(105.981.496)	34.737.649.891	(105.981.496)
Hàng hóa	9.295.492.900	-	5.568.217.695	-
	<u>67.978.854.224</u>	<u>(943.366.909)</u>	<u>67.177.801.680</u>	<u>(943.366.909)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

9 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2017 VNĐ	Năm kết thúc 31.12.2016 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	943.366.909	858.421.861
Tăng dự phòng	-	84.945.048
Số dư cuối kỳ/năm	<u>943.366.909</u>	<u>943.366.909</u>

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	71.999.934	16.347.786
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	51.075.698	80.650.369
	<u>123.075.632</u>	<u>96.998.155</u>
(b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	331.351.840	561.333.003
Xây dựng cơ bản dở dang bị xóa sổ	393.805.125	675.094.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	167.938.244	348.281.008
	<u>893.095.209</u>	<u>1.584.708.511</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2017 VNĐ	Năm kết thúc 31.12.2016 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	1.584.708.511	1.737.683.703
Tăng trong kỳ/năm	20.457.000	185.066.364
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.350.189.000
Phân bổ trong kỳ/năm	(712.070.302)	(1.688.230.556)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>893.095.209</u>	<u>1.584.708.511</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 (số liệu đã báo cáo năm trước)	35.579.414.704	59.602.616.359	6.120.986.396	2.336.851.020	103.639.868.479
Điều chỉnh (Thuyết minh 3)	(166.292.046)	-	-	-	(166.292.046)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 (trình bày lại)	35.413.122.658	59.602.616.359	6.120.986.396	2.336.851.020	103.473.576.433
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	54.000.000	-	-	54.000.000
Thanh lý	-	-	(508.500.000)	-	(508.500.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	35.413.122.658	59.656.616.359	5.612.486.396	2.336.851.020	103.019.076.433
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 (số liệu đã báo cáo năm trước)	30.516.180.841	37.896.280.755	5.276.222.046	2.298.762.853	75.987.446.495
Điều chỉnh (Thuyết minh 3)	(166.292.046)	-	-	-	(166.292.046)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 (trình bày lại)	30.349.888.795	37.896.280.755	5.276.222.046	2.298.762.853	75.821.154.449
Khấu hao trong kỳ	710.534.491	2.079.674.796	111.614.640	6.438.000	2.908.261.927
Thanh lý	-	-	(464.625.000)	-	(464.625.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	31.060.423.286	39.975.955.551	4.923.211.686	2.305.200.853	78.264.791.376
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.063.233.863	21.706.335.604	844.764.350	38.088.167	27.652.421.984
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	4.352.699.372	19.680.660.808	689.274.710	31.650.167	24.754.285.057

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 54.204.812.615 Đồng Việt Nam (31.12.2016: 51.541.485.774 Đồng Việt Nam).

(b) Tài sản cố định vô hình

	30.6.2017	31.12.2016
	VNĐ	VNĐ
Quyền sử dụng đất	11.987.672.202	11.987.672.202

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định, bao gồm quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 10.306 m² tại lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.259 triệu Đồng Việt Nam và lô đất có diện tích 290,7 m² tại thửa số 1 địa chỉ số 43/1 đường Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729 triệu Đồng Việt Nam.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Đà Nẵng (giá trị ghi sổ là 11.259 triệu Đồng Việt Nam) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con, với Ngân hàng.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.6.2017	31.12.2016
	VNĐ	VNĐ
Xây dựng nhà kho dở dang	42.272.590	42.272.590
Phần mềm tin học đang trong quá trình chạy thử và chỉnh sửa	441.000.000	441.000.000
	<u>483.272.590</u>	<u>483.272.590</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết	Năm kết thúc
	thức 30.6.2017	31.12.2016
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	483.272.590	1.833.461.590
Mua sắm	54.000.000	-
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 11(a))	(54.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.350.189.000)
	<u>483.272.590</u>	<u>483.272.590</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**
13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Bên thứ ba	23.543.617.905	22.442.058.624
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	5.885.017.018	-
	<u>29.428.634.923</u>	<u>22.442.058.624</u>

Chi tiết cho những nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	1.910.000	6.821.645.100
Công ty TNHH Xuân Việt	3.914.103.600	2.960.686.080
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	3.605.059.414	2.397.392.305
	<u>9.429.172.014</u>	<u>12.179.723.485</u>

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(a) Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	370.589.135	-
	<u>370.589.135</u>	<u>-</u>

(b) Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Thuế GTGT	950.842.010	981.539.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	478.423.220
Thuế thu nhập cá nhân	633.236.289	583.460.536
Thuế nhà đất	116.123.989	109.293.314
Tiền thuê đất	1.968.149.654	4.830.549.252
	<u>3.668.351.942</u>	<u>6.983.265.965</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước (tiếp theo)

Tình hình biến động trong kỳ của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VNĐ	Số phải nộp trong kỳ VNĐ	Số đã thực nộp trong kỳ VNĐ	Tại ngày 30.06.2017 VNĐ
Thuế GTGT	981.539.643	7.671.462.810	(7.702.160.443)	950.842.010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	478.423.220	50.987.645	(529.410.865)	-
Thuế thu nhập cá nhân	583.460.536	636.050.141	(586.274.388)	633.236.289
Thuế nhà đất	109.293.314	49.843.500	(43.012.825)	116.123.989
Tiền thuê đất (*)	4.830.549.252	1.628.556.402	(4.490.956.000)	1.968.149.654
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	<u>6.983.265.965</u>	<u>10.042.900.498</u>	<u>(13.357.814.521)</u>	<u>3.668.351.942</u>

(*) Khoản mục này là tiền thuê đất trả cho Nhà nước theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TP ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng, liên quan tới ba lô đất tại địa chỉ số 39, 43A và 43B phố Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 62.740,2 m², thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1999. Tiền thuê đất trả hàng năm được thông báo bởi Chi cục thuế quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	1.365.755.712	1.219.911.695
Chi phí điện, nước và các dịch vụ tiện ích khác	136.837.092	222.704.486
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	588.234.607	641.744.394
	<u>2.090.827.411</u>	<u>2.084.360.575</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Phải trả Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 30(b))	800.000.000	-
Kinh phí công đoàn	344.482.444	273.032.002
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 30(b))	66.351.500	53.302.750
Khác	45.812.085	140.583.108
	<u>1.256.646.029</u>	<u>466.917.860</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2017 VNĐ	Năm kết thúc 31.12.2016 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	5.458.254.250	5.458.254.250
Trả trong kỳ/năm	(232.700.000)	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>5.225.554.250</u>	<u>5.458.254.250</u>

Dự phòng phải trả ngắn hạn phản ánh số thuế giá trị gia tăng phải nộp Ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh số 7).

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2017 VNĐ	Năm kết thúc 31.12.2016 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	3.498.614.365	3.261.363.399
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 20)	-	686.118.206
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(501.652.000)	(448.867.240)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>2.996.962.365</u>	<u>3.498.614.365</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	30.6.2017 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2016 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn nhà nước	1.387.360	27,75	1.387.360	27,75
Phần vốn của các đối tượng khác	3.612.640	72,25	3.612.640	72,25
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	100	5.000.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	50.000.000.000	15.753.387.350	27.648.023.735	24.756.369.592	118.157.780.677
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.599.920.423	3.599.920.423
Trích vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.372.236.413	(1.372.236.413)	-
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(686.118.206)	(686.118.206)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã báo cáo năm trước)	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	18.797.935.396	113.571.582.894
Điều chỉnh (Thuyết minh 3) (*)	-	-	-	110.926.449	110.926.449
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	18.908.861.845	113.682.509.343
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	203.950.582	203.950.582
Trích vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	16.612.812.427	111.386.459.925

(*) Sau khi phát hành báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Lãnh đạo đã phát hiện sai sót trong báo cáo tài chính và thực hiện điều chỉnh hồi tố một số khoản mục của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 3).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

21 CỔ TỨC

Biến động của cổ tức phải trả trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc 30.6.2017 VNĐ	Năm kết thúc 31.12.2016 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	53.302.750	58.702.000
Cổ tức phải trả trong kỳ/năm (Thuyết minh 20) (*)	2.500.000.000	7.500.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(2.486.951.250)	(7.505.399.250)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>66.351.500</u>	<u>53.302.750</u>

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện chia cổ tức căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 là 5% (tương đương 500 Đồng Việt Nam trên một cổ phiếu phổ thông năm giữ).

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Ngoại tệ các loại	<u>166.368.998</u>	<u>166.368.998</u>

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm bao gồm số ngoại tệ là 7.599 Đô la Mỹ (31.12.2016: 7.599 Đô la Mỹ).

23 DOANH THU

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	135.154.646.758	140.444.377.258
Doanh thu cho thuê kho	870.872.730	869.372.730
	<u>136.025.519.488</u>	<u>141.313.749.988</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(348.712.494)	(2.453.129.897)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>135.676.806.994</u>	<u>138.860.620.091</u>

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
Giá vốn của thành phẩm đã bán	101.613.444.849	98.547.780.704
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	178.012.210
	<u>101.613.444.849</u>	<u>98.725.792.914</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
Lãi tiền vay	-	4.447.989
(Hoàn nhập)/tăng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.300.802.500)	67.690.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	21.161.520
Chi phí tài chính khác	484.000	72.934.998
	<u>(2.300.318.500)</u>	<u>166.235.207</u>

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
Chi phí nhân viên	14.355.546.271	12.766.871.769
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.753.044	81.868.944
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	4.139.592.175	5.519.761.020
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	2.646.181.408	4.573.111.110
Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	307.967.422	807.380.794
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	334.910.720	590.753.823
Chi phí khác	1.484.793.016	1.201.112.180
	<u>23.291.744.056</u>	<u>25.540.859.640</u>

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
Chi phí nhân viên	6.372.744.715	5.374.980.840
Chi phí khấu hao TSCĐ	478.592.431	637.776.998
Thuế, phí và lệ phí	1.684.699.902	1.823.665.102
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.775.759.531	2.105.716.016
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	81.052.455
Chi phí khác	1.797.069.203	1.596.321.066
	<u>13.108.865.782</u>	<u>11.619.512.477</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng (20%) được thể hiện như sau:

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	254.938.227	3.249.280.164
Thuế tính ở thuế suất 20%	50.987.645	649.856.033
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	-	66.799.997
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	50.987.645	716.656.030

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.831.560.154	98.816.881.784
Chi phí nhân công	29.863.098.499	28.543.053.288
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.908.261.927	2.775.755.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.699.987.016	9.049.389.525
Các chi phí khác bằng tiền	8.574.247.594	12.870.483.861
	134.877.155.190	152.055.564.196

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	41.613.820	41.327.111
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	15.546.977.040	15.584.971.060
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.531.999.992	1.528.785.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 1.1.2017 đến 30.6.2017 VNĐ	Từ 1.1.2016 đến 30.6.2016 VNĐ
iv) Các hoạt động tài chính		
Chia cổ tức cho cổ đông:		
- Cổ đông thuộc nhà nước	693.680.000	2.081.040.000
- Các cổ đông khác	1.806.320.000	5.418.960.000
	<u>2.500.000.000</u>	<u>7.500.000.000</u>
(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 6(a))		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
- Công ty con	793.617.590	793.617.590
	<u>793.617.590</u>	<u>793.617.590</u>
ii) Phải thu dài hạn khách hàng (Thuyết minh 6(b))		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
- Công ty con	3.968.087.951	4.761.705.541
	<u>3.968.087.951</u>	<u>4.761.705.541</u>
iii) Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 5(b))		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
- Công ty con	15.000.000.000	15.000.000.000
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long – Công ty con	110.926.449	110.926.449
	<u>15.110.926.449</u>	<u>15.110.926.449</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
- Công ty con	5.885.017.018	-
	<u>5.885.017.018</u>	<u>-</u>
v) Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
- Công ty con	-	6.004.264.934
	<u>-</u>	<u>6.004.264.934</u>
vi) Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Cổ tức phải trả	66.351.500	53.302.750
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long		
- Công ty con	800.000.000	-
	<u>866.351.500</u>	<u>53.302.750</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Dưới 1 năm	919.500.000	784.500.000
Từ 1 đến 5 năm	690.000.000	810.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	1.609.500.000	1.594.500.000

32 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	30.6.2017 VNĐ	31.12.2016 VNĐ
Mua phần mềm Hệ thống quản trị nguồn lực của Doanh nghiệp	294.000.000	294.000.000

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận kinh doanh vì Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác. Công ty cũng không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì Công ty chỉ hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 30 tháng 8 năm 2017.



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Oliveiro Michael Leonard
Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền